

NÂNG CAO NĂNG LỰC THỰC THI THEO VĂN KIẾN ĐẠI HỘI XIV CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM: CƠ SỞ KHOA HỌC VÀ PHƯƠNG THỨC BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG TRONG KỈ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC

Phạm Thị Toàn

Học viện Chính trị khu vực II

Email: phamtoanhuha@gmail.com

(Ngày nhận bài: 9/4/2026, ngày nhận bài chỉnh sửa: 21/5/2026, ngày duyệt đăng: 10/9/2026)

TÓM TẮT

Nâng cao năng lực thực thi đang trở thành yêu cầu then chốt trong đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Tiếp cận năng lực thực thi như khả năng chuyển hóa đường lối, chủ trương, chính sách thành kết quả thực tiễn thông qua thể chế, tổ chức, con người và cơ chế thực hiện, bài viết phân tích cơ sở khoa học của vấn đề này theo tinh thần Đại hội XIV của Đảng. Đại hội XIV không chỉ xác định tầm nhìn phát triển đến năm 2030, 2045 mà còn nhấn mạnh yêu cầu đổi mới tổ chức thực hiện theo hướng rõ trách nhiệm, rõ nguồn lực, rõ tiến độ và lấy sự hài lòng, tín nhiệm của người dân, doanh nghiệp cùng hiệu quả công việc làm tiêu chí đánh giá. Trên cơ sở đó, bài viết làm rõ nâng cao năng lực thực thi là phương thức trực tiếp bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng thông qua việc củng cố niềm tin xã hội, thu hẹp khoảng cách giữa nghị quyết và cuộc sống, đồng thời tạo cơ sở thực tiễn để phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Bài viết cũng đề xuất một số phương thức nâng cao năng lực thực thi gắn với bảo vệ nền tảng tư tưởng trong giai đoạn mới.

Từ khóa: Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; Đại hội XIV; năng lực thực thi

1. Đặt vấn đề

Trong tiến trình lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn khẳng định vai trò quyết định của việc tổ chức thực hiện đường lối, chính sách. Tuy nhiên, thực tiễn phát triển nhiều năm qua cho thấy, khoảng cách giữa nghị quyết và cuộc sống vẫn là một thách thức lớn (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021a, tr. 85). Đại hội Đảng lần thứ XIII đã chỉ rõ: “Chỉ đạo và tổ chức thực hiện vẫn là khâu yếu, chậm được khắc phục; năng lực tổ chức thực hiện của cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021b, tr.94-95). Trong bối cảnh đó, Văn kiện Đại hội XIV của Đảng đã đặt vấn đề nâng cao năng lực thực thi như một nội dung trung tâm trong đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền. Đây không chỉ là sự tiếp nối nhận thức

từ các nhiệm kỳ trước mà còn phản ánh bước chuyển về chất trong tư duy lí luận về Đảng cầm quyền: từ nhấn mạnh hoạch định sang đề cao hiệu quả thực tiễn. Đặc biệt, trong điều kiện các thế lực thù địch gia tăng chống phá trên lĩnh vực tư tưởng, chính trị, việc nâng cao năng lực thực thi còn mang ý nghĩa như một phương thức bảo vệ từ thực tiễn, góp phần trực tiếp củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng. Từ yêu cầu đó, bài viết tập trung làm rõ khái niệm năng lực thực thi, cơ sở khoa học theo tinh thần Đại hội XIV và vai trò của năng lực thực thi trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

2. Tổng quan nghiên cứu

Trong khoa học quản trị công, năng lực thực thi được xem là yếu tố quyết định hiệu quả quản trị quốc gia và khả năng chuyển hóa chính sách thành kết

quả thực tiễn. Pressman và Wildavsky (1984) cho rằng khoảng cách giữa mục tiêu chính sách và kết quả thực hiện thường bắt nguồn từ những hạn chế trong quá trình tổ chức thực hiện, đặc biệt khi có quá nhiều chủ thể tham gia nhưng thiếu sự phối hợp và trách nhiệm rõ ràng. Mazmanian và Sabatier (1983) lại nhấn mạnh các yếu tố quyết định hiệu quả thực thi gồm thể chế, nguồn lực, cơ chế phối hợp và năng lực của chủ thể thực hiện. Những nghiên cứu này đặt nền tảng lý luận quan trọng cho việc tiếp cận năng lực thực thi không chỉ như năng lực cá nhân mà còn là năng lực thể chế và năng lực phối hợp của toàn bộ hệ thống.

Ở Việt Nam, các nghiên cứu có liên quan có thể khái quát theo ba hướng chủ yếu:

Thứ nhất, hướng nghiên cứu năng lực thực thi từ góc độ chính sách công và năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức. Các công trình của tác giả Lê Chi Mai (2011) và Nguyễn Hữu Hải (2014) đã phân tích mối quan hệ giữa hoạch định chính sách và tổ chức thực hiện chính sách, đồng thời chỉ ra vai trò của thể chế, nguồn lực, sự phối hợp và năng lực của chủ thể thực thi. Phùng Thị Linh Khanh (2023) tiếp cận năng lực thực thi công vụ như sự kết hợp giữa kiến thức, kỹ năng và thái độ của cán bộ, công chức; trong đó tính chuyên nghiệp, trách nhiệm, minh bạch và khả năng giải trình là những điều kiện bảo đảm hiệu quả công vụ. Nghiên cứu của Nguyễn Thanh Giang (2024) cụ thể hóa năng lực tổ chức thực thi chính sách thành các hoạt động xây dựng kế hoạch, phổ biến chính sách, phân công, phối hợp, đôn đốc, kiểm tra và đánh giá kết quả. Những nghiên cứu này góp phần làm rõ cấu trúc và các yếu tố tác động đến năng lực thực thi nhưng chủ yếu tiếp cận ở cấp độ hành chính và năng lực cá nhân của cán bộ, công chức.

Thứ hai, hướng nghiên cứu năng lực thực thi từ góc độ thể chế và quản trị quốc gia. Trần Quang Hiền (2025) cho rằng pháp luật không thể chỉ dừng ở việc được ban hành mà phải được tổ chức thực hiện nghiêm minh, thống nhất và hiệu quả; đồng thời cần có cơ chế giám sát, đánh giá tác động thường xuyên để phát hiện, điều chỉnh những bất cập trong quá trình áp dụng. Theo tác giả, hiệu quả thi hành pháp luật là điều kiện quan trọng để xây dựng Nhà nước pháp quyền hiện đại và củng cố niềm tin của người dân, doanh nghiệp. Nguyễn Sĩ Dũng (2026) phát triển cách tiếp cận năng lực thực thi quốc gia, cho rằng nghị quyết chỉ có thể chuyển hóa thành kết quả thông qua chuỗi liên kết từ nghị quyết, thể chế, chính sách, nguồn lực, hành động đến kết quả. Mỗi mắt xích đòi hỏi một năng lực tương ứng; chỉ cần một mắt xích yếu, toàn bộ quá trình có thể bị chậm trễ hoặc sai lệch. Theo cách tiếp cận này, năng lực thực thi quốc gia là khả năng của toàn hệ thống trong việc biến mục tiêu chiến lược thành kết quả phát triển thông qua thể chế rõ ràng, tổ chức hiệu quả, đội ngũ có năng lực, nguồn lực được bảo đảm và trách nhiệm được xác lập. Đây là bước phát triển đáng chú ý so với cách tiếp cận chỉ tập trung vào năng lực của từng cán bộ hoặc từng cơ quan riêng lẻ.

Thứ ba, hướng nghiên cứu mối quan hệ giữa hiệu quả thực thi với niềm tin chính trị và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Đới Diệu Trang Linh (2026) cho rằng niềm tin chính trị không chỉ được tạo lập bằng tuyên truyền mà được hình thành và kiểm chứng thông qua trải nghiệm thực tế của nhân dân đối với hoạt động lãnh đạo, quản lý và phục vụ. Nghiên cứu này đã thiết lập mối liên hệ tương đối rõ giữa năng lực thực thi, hiệu

quả quản trị và niềm tin của nhân dân; qua đó gợi mở rằng kết quả thực tiễn không chỉ là đầu ra của chính sách mà còn là căn cứ kiểm chứng năng lực lãnh đạo và tính đúng đắn của đường lối.

Các báo cáo Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) cũng cung cấp bằng chứng thực nghiệm về sự khác biệt giữa các địa phương trong thực thi chính sách, kiểm soát tham nhũng, trách nhiệm giải trình, cung ứng dịch vụ công và quản trị điện tử (UNDP, 2024). Kết quả PAPI cho thấy trải nghiệm trực tiếp của người dân đối với bộ máy công quyền là một căn cứ quan trọng để đánh giá hiệu quả quản trị và mức độ tin nhiệm đối với chính quyền. Điều này củng cố nhận định rằng chất lượng thực thi không chỉ ảnh hưởng đến kết quả chính sách mà còn tác động trực tiếp đến niềm tin xã hội.

Nhìn chung, các nghiên cứu đã làm rõ ba vấn đề quan trọng: cấu trúc và các yếu tố cấu thành năng lực thực thi; vai trò của thể chế, nguồn lực, phối hợp và trách nhiệm giải trình; mối quan hệ giữa hiệu quả thực thi với chất lượng quản trị và niềm tin của nhân dân. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu hiện nay chủ yếu tiếp cận năng lực thực thi dưới góc độ hành chính công, chính sách công hoặc năng lực công vụ. Một số nghiên cứu gần đây đã đề cập đến mối quan hệ giữa hiệu quả thực thi và niềm tin chính trị, nhưng chưa phân tích một cách hệ thống năng lực thực thi như một phương thức bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Đặc biệt, chưa có nhiều công trình phân tích làm rõ quan điểm của Đại hội XIV về sự chuyển dịch từ tư duy hoạch định sang tư duy hành động; từ ban hành nghị quyết sang xác lập chủ thể, lộ trình, nguồn lực, trách nhiệm và kết quả có thể đo lường; cũng như vai trò của quá trình

này trong việc tạo lập cơ sở thực tiễn để phản bác các luận điệu xuyên tạc năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Đây chính là khoảng trống nghiên cứu mà bài viết tập trung làm rõ.

Trong phạm vi bài viết này, năng lực thực thi được hiểu là năng lực tổ chức thực hiện nghị quyết, chủ trương, đường lối, chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; chủ thể thực thi là toàn bộ hệ thống chính trị, trong đó trực tiếp là tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị – xã hội, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên. Năng lực thực thi không chỉ là năng lực hành chính của riêng bộ máy nhà nước mà còn là năng lực chính trị của Đảng cầm quyền trong lãnh đạo, huy động, điều phối và chịu trách nhiệm trước nhân dân về kết quả phát triển.

3. Cơ sở khoa học phản bác quan điểm sai trái về năng lực thực thi theo tinh thần Đại hội XIV của Đảng

Về mặt lí luận, chủ nghĩa Mác – Lênin khẳng định thực tiễn là tiêu chuẩn kiểm nghiệm chân lí (Mác & Ăngghen, 1995, tr. 45); lí luận cách mạng không thể chỉ dừng lại ở nhận thức mà phải trở thành kim chỉ nam cho hành động (Lênin, 2005, tr.30). Tư tưởng Hồ Chí Minh cũng nhất quán nói đi đôi với làm, lấy hiệu quả công việc và lợi ích của nhân dân làm thước đo phẩm chất, năng lực cán bộ (Hồ Chí Minh, 2011, tr.298). Vì vậy, nâng cao năng lực thực thi chính là quá trình bảo đảm sự thống nhất giữa đường lối đúng, tổ chức đúng và kết quả đúng trong đời sống xã hội.

Tinh thần Đại hội XIV làm nổi bật bước chuyển từ tư duy hoạch định sang tư duy thực thi. Điểm đáng chú ý là Chương trình hành động của Ban Chấp hành Trung ương Đảng thực hiện Nghị

quyết Đại hội XIV được ban hành nhằm cụ thể hóa và tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết Đại hội; bám sát mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, định hướng phát triển, nhiệm vụ trọng tâm và các đột phá chiến lược trong giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Việc ban hành chương trình hành động ngay trong cấu trúc văn kiện Đại hội cho thấy yêu cầu thực thi không còn là khâu sau cùng mà được đặt ngay từ khâu thiết kế mục tiêu và phương thức lãnh đạo. Tinh thần hành động này còn được thể hiện qua yêu cầu “biến ý chí hành động, biến quyết sách thành kết quả cụ thể; nói là làm, làm đúng, làm quyết liệt, làm đến cùng và làm hiệu quả” (Báo điện tử chính phủ, 2026a). Chương trình hành động và các phát biểu chỉ đạo liên quan cũng nhấn mạnh yêu cầu lượng hóa nhiệm vụ, dự án, công trình, chỉ tiêu chủ yếu và xác định rõ trách nhiệm thực hiện. Theo phát biểu của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình hành động, tinh thần thực thi được cụ thể hóa bằng 12 nhóm nhiệm vụ, đề án, dự án quan trọng giai đoạn 2026 – 2030 (Báo điện tử chính phủ, 2026b). Điều này làm rõ một chuyển biến quan trọng, năng lực thực thi không chỉ được hiểu là quyết tâm chính trị chung mà phải được thể chế hóa thành danh mục nhiệm vụ, chỉ tiêu, tiến độ, chủ thể chịu trách nhiệm và cơ chế kiểm tra kết quả.

Từ thực tiễn phát triển, năng lực thực thi của hệ thống chính trị được kiểm nghiệm bằng khả năng chuyển hóa chủ trương thành kết quả. Theo Cục Thống kê, năm 2025 GDP Việt Nam tăng 8,02%; quy mô GDP theo giá hiện hành ước đạt 12.847,6 nghìn tỉ đồng, tương đương 514 tỉ USD; GDP bình quân đầu người đạt khoảng 5.026 USD (Tổng cục Thống kê, 2026). Những kết quả này

không thể được lí giải chỉ bằng việc có mục tiêu đúng mà còn phản ánh năng lực tổ chức thực hiện, điều hành, phối hợp chính sách và huy động nguồn lực. Vì vậy, nâng cao năng lực thực thi vừa là yêu cầu nội tại của hệ thống chính trị vừa là luận cứ thực tiễn quan trọng để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong điều kiện mới.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Nhận diện các luận điệu sai trái, thù địch từ góc độ năng lực thực thi

Các thế lực thù địch thường không chỉ công kích trực diện vào chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh mà còn tìm cách khai thác những hạn chế trong tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách để tạo ra các lập luận có vẻ thực tế. Từ những hiện tượng riêng lẻ hoặc những bất cập trong một số lĩnh vực, chúng suy diễn, quy kết và phủ nhận bản chất của đường lối chính trị, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng. Có thể nhận diện một số luận điệu chủ yếu sau:

Một là luận điệu cho rằng Đảng “nói nhiều làm ít”, “chỉ giỏi ra nghị quyết”, nghị quyết không đi vào cuộc sống. Luận điệu này thường khai thác khoảng cách giữa chủ trương và kết quả thực hiện ở một số lĩnh vực để quy kết rằng Đảng thiếu năng lực hành động, thiếu năng lực quản trị quốc gia.

Hai là luận điệu cho rằng những hạn chế trong tổ chức thực hiện chính sách chứng tỏ mô hình lãnh đạo của Đảng không còn phù hợp, con đường xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam “bế tắc” hoặc “trái quy luật”. Đây là cách lập luận cố tình đánh đồng hạn chế trong quá trình thực thi với sai lầm về đường lối, từ đó chuyển hóa một vấn đề quản trị cụ thể thành sự phủ nhận nền tảng tư tưởng và mục tiêu phát triển của đất nước.

Ba là luận điệu lợi dụng các vụ việc tham nhũng, tiêu cực để quy kết rằng hệ thống chính trị “tha hóa quyền lực”, công tác phòng, chống tham nhũng chỉ là “đấu đá nội bộ”, làm cán bộ sợ sai, không dám làm, khiến bộ máy trì trệ. Luận điệu này vừa phủ nhận quyết tâm kiểm soát quyền lực của Đảng vừa xuyên tạc bản chất của việc siết chặt kỉ luật, kỉ cương.

Bốn là luận điệu cho rằng việc Đảng thẳng thắn nhìn nhận hạn chế trong khâu tổ chức thực hiện là biểu hiện của sự lúng túng, khủng hoảng trong lãnh đạo. Thực chất, đây là thủ pháp đánh tráo bản chất: biến tinh thần tự phê bình, tự đổi mới, tự chỉnh đốn của Đảng thành bằng chứng giả tạo để công kích Đảng.

Năm là luận điệu tách rời những kết quả phát triển của đất nước khỏi vai trò lãnh đạo của Đảng, trong khi lại quy mọi hạn chế, bất cập cho Đảng. Đây là lối lập luận phiến diện: khi có thành tựu thì phủ nhận vai trò lãnh đạo; khi có khó khăn thì tuyệt đối hóa hạn chế để làm suy giảm niềm tin chính trị của nhân dân.

Điểm chung của các luận điệu trên là cố tình tách hiện tượng khỏi bản chất, tách khó khăn cụ thể khỏi bối cảnh phát triển, tách hạn chế trong thực thi khỏi quá trình tự đổi mới và hoàn thiện của Đảng. Vì vậy, phản bác các luận điệu này không thể chỉ dừng ở tuyên truyền khẳng định mà phải dựa trên luận cứ lí luận, quan điểm trong Văn kiện Đại hội XIV và kết quả thực tiễn phát triển đất nước.

4.2. Luận cứ phản bác các luận điệu sai trái, thù địch bằng quan điểm của Văn kiện Đại hội XIV

Một là phản bác luận điệu “Đảng nói nhiều làm ít, nghị quyết không đi vào cuộc sống”. Luận điệu này phiến diện vì chỉ chọn một số hạn chế trong tổ chức thực hiện để phủ nhận toàn bộ năng lực lãnh đạo của Đảng. Từ góc độ quản trị

công, mọi quá trình chính sách đều có khoảng cách nhất định giữa mục tiêu và kết quả; điều quyết định không phải là tuyệt đối không có hạn chế mà là có nhận diện đúng hạn chế, có cơ chế khắc phục, có kỉ luật thực thi và có kết quả cải thiện hay không. Văn kiện Đại hội XIV không né tránh những hạn chế ấy mà thẳng thắn chỉ rõ: “Nhiều chủ trương, quyết sách đúng sẽ vẫn “nằm trên giấy” nếu thực thi chậm, thực thi kém hiệu quả hoặc bị “lệch chuẩn” trong quá trình triển khai”.

Vì vậy Văn kiện đặt trọng tâm vào việc thiết kế chương trình hành động, cơ chế kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả, coi dữ liệu, chỉ số và phản hồi của Nhân dân là căn cứ quan trọng để điều chỉnh chính sách và xử lý trách nhiệm. (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026a, tr.23)

Trong giai đoạn vừa qua, nhiều chủ trương lớn về ổn định kinh tế vĩ mô, phát triển hạ tầng, chuyển đổi số, cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, kiểm soát quyền lực đã được triển khai với kết quả cụ thể. Báo cáo tổng kết 40 năm đổi mới nêu những kết quả quan trọng về quy mô nền kinh tế, tăng trưởng, thu nhập bình quân đầu người, nợ công và các cân đối lớn của nền kinh tế. Những kết quả ấy không tự nhiên có mà là sản phẩm của quá trình tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương và chính sách trong thực tiễn.

Đặc biệt, Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV được xây dựng đồng thời với Văn kiện chỉ rõ “chủ thể, lộ trình, nguồn lực, đích đến”, gắn trách nhiệm với kết quả và kỉ luật thực thi với sự hài lòng của nhân dân (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026a, tr.15). Việc phân công theo yêu cầu rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ kết quả; đồng thời thiết

lập cơ chế kiểm tra, giám sát, đánh giá bằng dữ liệu, chỉ số và phản hồi của nhân dân cho thấy nghị quyết đã được gắn với cơ chế thực hiện và kiểm chứng cụ thể (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026a, tr. 21-22). Vì vậy, quy kết Đảng “chỉ giỏi ra nghị quyết” là cách nhìn phiến diện, cố tình bỏ qua bước chuyển mạnh mẽ từ ban hành chủ trương sang quản trị kết quả thực thi.

Hai là phản bác luận điệu đánh đồng hạn chế trong thực thi với sai lầm về đường lối và mô hình phát triển. Đây là thủ pháp đánh tráo bản chất. Hạn chế trong tổ chức thực hiện ở một thời điểm, một địa phương hoặc một lĩnh vực không thể được sử dụng để phủ nhận bản chất khoa học, cách mạng của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối đổi mới và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Văn kiện Đại hội XIV thẳng thắn thừa nhận “việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghị quyết vẫn là khâu yếu” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026b, tr.223). Tuy nhiên, việc nhận diện hạn chế nhằm xác định đúng điểm nghẽn và đề ra cơ chế khắc phục, không thể bị suy diễn thành sự sai lầm của đường lối.

Thực tiễn 40 năm đổi mới là căn cứ trực tiếp bác bỏ sự xuyên tạc đó. Văn kiện khẳng định “Đường lối đổi mới của Đảng ta là hoàn toàn đúng đắn, phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu hướng phát triển của thời đại” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026a, tr. 20). Đồng thời, tổng kết 40 năm đổi mới cũng ghi rõ: “Công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo là sự lựa chọn mang tính lịch sử”, phù hợp với thực tiễn Việt Nam và yêu cầu phát triển đất nước (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026b, tr. 370-371). Vì vậy, hạn chế trong một khâu thực thi không thể được sử dụng

để phủ nhận tính đúng đắn của cả đường lối và mô hình phát triển.

Mặt khác, chương trình hành động không né tránh những điểm nghẽn trong thực thi mà xác định thể chế là “đột phá của đột phá”; yêu cầu vương mắc ở cấp nào thì cấp đó chủ động xử lý, trường hợp vượt thẩm quyền phải kịp thời báo cáo và đề xuất cơ chế phù hợp. Việc thiết lập cơ chế phát hiện, phản hồi và điều chỉnh chính sách chứng tỏ mô hình lãnh đạo có khả năng tự hoàn thiện trên cơ sở tổng kết thực tiễn. Vì vậy, hạn chế trong thực thi không phải là bằng chứng về sự “bế tắc” của đường lối mà là vấn đề đang được nhận diện và khắc phục bằng những cơ chế cụ thể.

Ba là phản bác luận điệu xuyên tạc công tác phòng, chống tham nhũng, kiểm soát quyền lực. Những luận điệu lấy hiện tượng tham nhũng, tiêu cực để phủ nhận chế độ là cách lập luận phiến diện. Tham nhũng là vấn đề mang tính toàn cầu, có thể xuất hiện trong mọi mô hình quản trị. Điều này có ý nghĩa quyết định là quyết tâm chính trị và hiệu quả của các biện pháp phòng, chống tham nhũng. Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã triển khai nhiều giải pháp mạnh mẽ nhằm kiểm soát quyền lực, tăng cường kỉ luật, kỉ cương và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm với phương châm “không có vùng cấm, không có ngoại lệ”. Chính quá trình siết chặt kỉ luật thực thi này đã góp phần nâng cao hiệu lực của bộ máy nhà nước và củng cố niềm tin của nhân dân. Văn kiện khẳng định việc kiểm soát quyền lực và siết chặt kỉ cương là để bảo đảm “hệ thống chính trị hoạt động hiệu năng, hiệu lực” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026a, tr. 119). Những con số về nợ công thấp (34,4% GDP) và đầu tư hạ tầng bút phá (3.335 km cao tốc) (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026b, tr. 142, tr. 300) cho thấy kỉ

luật thực thi không làm đình trệ mà trái lại là động lực thúc đẩy sự phát triển bền vững, minh bạch.

Chương trình hành động đặt phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong tổng thể nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và xây dựng, chỉnh đốn Đảng; đồng thời gắn phân cấp, phân quyền quyền với phân bổ nguồn lực, kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực. Như vậy, xử lý tham nhũng không nhằm làm tê liệt bộ máy mà để loại bỏ sự lạm dụng quyền lực, bảo vệ cán bộ hành động vì lợi ích chung và nâng cao hiệu quả thực thi. Kỉ luật nghiêm minh không đối lập với phát triển; trái lại, là điều kiện để nguồn lực được sử dụng đúng mục đích và quyền lực được vận hành vì nhân dân. Như vậy, phòng, chống tham nhũng không làm tê liệt bộ máy mà nhằm kiểm soát sự tha hóa quyền lực, củng cố kỉ luật thực thi và bảo vệ những cán bộ thực sự hành động vì lợi ích chung.

Bốn là phân bác luận điệu cho rằng Đảng thừa nhận hạn chế là biểu hiện của sự lúng túng, khủng hoảng trong lãnh đạo. Từ phương diện xây dựng Đảng, việc Đảng chủ động nhìn nhận những hạn chế trong tổ chức thực hiện không phải là biểu hiện của sự lúng túng hay khủng hoảng trong lãnh đạo mà trái lại thể hiện bản lĩnh chính trị và tinh thần tự đổi mới của một đảng cách mạng chân chính. Thực tiễn cho thấy chính quá trình tự chỉnh đốn, hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực và nâng cao năng lực thực thi đã góp phần củng cố uy tín chính trị của Đảng và tăng cường niềm tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của mình. Đại hội XIII chỉ rõ khâu tổ chức thực hiện còn yếu, và Đại hội XIV tiếp tục đặt ra yêu cầu nâng cao năng lực tổ chức thực thi ở tầm cao hơn, không phải là

biểu hiện của khủng hoảng mà là bằng chứng về năng lực tự nhận diện vấn đề và năng lực kiến tạo giải pháp. Văn kiện Đại hội XIV thể hiện rõ tinh thần nhìn thẳng vào sự thật khi “thẳng thắn chỉ ra những hạn chế, yếu kém và những điểm nghẽn cần tập trung tháo gỡ”, đồng thời xác định:

Nhận diện đúng để giải pháp đúng, hành động đúng. Vấn đề quan trọng nhất hiện nay là phải chuyển mạnh sang hành động, giải quyết có hiệu quả những hạn chế, điểm nghẽn, nút thắt, khơi thông mọi nguồn lực để phát triển đất nước. (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026a, tr. 19)

Văn kiện tiếp tục đặt ra yêu cầu “tăng cường xây dựng, chỉnh đốn, tự đổi mới để Đảng ta thật sự là đạo đức, là văn minh” và “đổi mới đồng bộ phương thức và nâng cao năng lực tự đổi mới, tự hoàn thiện để tăng cường hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với Nhà nước và xã hội” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026b, tr.383-384). Do đó, chủ động nhận diện hạn chế và thiết kế cơ chế khắc phục là biểu hiện của bản lĩnh chính trị và năng lực tự điều chỉnh, không phải dấu hiệu của khủng hoảng lãnh đạo.

Năm là phân bác luận điệu phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng đối với thành tựu phát triển đất nước. Luận điệu này sử dụng một tiêu chuẩn kép: tách các thành tựu phát triển khỏi vai trò lãnh đạo của Đảng, nhưng lại quy mọi hạn chế, bất cập cho Đảng. Tổng kết 40 năm đổi mới, Văn kiện Đại hội XIV khẳng định:

Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của 40 năm đổi mới gắn liền với sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, tuyệt đối của Đảng, quản lý thống nhất và điều hành quyết liệt, tuyệt đối của Đảng, quản lý thống nhất và điều

hành quyết liệt, hiệu quả của Nhà nước; sự vào cuộc chủ động, tích cực tham gia thực hiện; phát huy được sức mạnh của toàn dân tộc, sự nỗ lực phấn đấu vượt bậc, năng động, sáng tạo của toàn dân, toàn quân, cộng đồng doanh nghiệp và của cả hệ thống chính trị. (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026b, tr. 185-186)

Chương trình hành động cho thấy vai trò lãnh đạo không dừng ở xác định phương hướng mà được thể hiện trong việc lựa chọn các nhiệm vụ trọng tâm, ba đột phá chiến lược, phân bổ nguồn lực, tổ chức phối hợp và kiểm soát kết quả trên toàn hệ thống. Các mục tiêu về hoàn thiện thể chế, phát triển hạ tầng, nguồn nhân lực, khoa học – công nghệ, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội đều được chuyển thành nhiệm vụ và dự án cụ thể. Bởi vậy, không thể tách rời những kết quả phát triển của đất nước khỏi quá trình Đảng lãnh đạo hoạch định và tổ chức thực hiện đường lối. Tuy nhiên, vai trò ấy cũng không thể chỉ được khẳng định bằng tuyên bố mà phải tiếp tục được chứng minh bằng hiệu quả thực thi và những thành quả thực tế mà nhân dân được thụ hưởng. Kết quả thực tiễn với quy mô GDP vượt lên thứ 32 thế giới và GNI bình quân đầu người đạt 4.750 USD năm 2025 (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026a, tr142) cho thấy năng lực lãnh đạo và tổ chức thực hiện của hệ thống chính trị ngày càng được củng cố. Chính những kết quả thực tiễn đó là luận cứ thuyết phục nhất để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Bảo vệ nền tảng tư tưởng không chỉ bằng diễn giải lý luận mà còn bằng việc chứng minh rằng nền tảng tư tưởng ấy có khả năng định hướng thực tiễn, tạo ra ổn định, phát triển, công bằng xã hội và niềm tin của nhân dân. Vì vậy, nâng cao năng lực tổ chức thực thi là

cách bảo vệ nền tảng tư tưởng từ gốc rễ: bảo vệ bằng hiệu quả, bằng kết quả, bằng đời sống và bằng sự đồng thuận xã hội.

Có thể thấy, Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV tạo lập cơ sở để phản bác trực tiếp các luận điệu sai trái bằng chính cơ chế hành động: mục tiêu được lượng hóa, nhiệm vụ được cụ thể hóa, trách nhiệm được cá thể hóa, tiến độ được số hóa và kết quả được đo bằng sự hài lòng của nhân dân. Từ những luận cứ lý luận và thực tiễn nêu trên, rút ra một số định hướng quan trọng nhằm nâng cao năng lực thực thi gắn với yêu cầu bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong giai đoạn mới. Trước hết, cần tiếp tục cụ thể hóa nghị quyết, chủ trương theo nguyên tắc “6 rõ”, bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ sản phẩm và rõ thẩm quyền. Đây không chỉ là yêu cầu kỹ thuật trong tổ chức thực hiện mà còn là cơ sở để khắc phục tình trạng chủ trương đúng nhưng triển khai chậm, thiếu đồng bộ hoặc khó xác định trách nhiệm khi xảy ra hạn chế. Đồng thời, cần đổi mới cơ chế đánh giá cán bộ theo hướng lấy kết quả thực chất làm thước đo chủ yếu, gắn trách nhiệm người đứng đầu với hiệu quả đầu ra của chính sách, mức độ hài lòng người dân và doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, cần hoàn thiện cơ chế khuyến khích và bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, tạo môi trường thuận lợi cho đổi mới sáng tạo trong thực thi công vụ; đồng thời xử lý nghiêm tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm hoặc lợi dụng cơ chế để trục lợi cá nhân. Cùng với đó, cần tăng cường kiểm tra, giám sát, phản hồi chính sách và đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý, theo dõi tiến độ thực hiện nhiệm vụ nhằm nâng cao tính công khai, minh bạch và khả năng kiểm soát quyền lực. Đặc biệt, cần kết hợp chặt chẽ giữa đấu

tranh phản bác các quan điểm sai trái trên các lĩnh vực tư tưởng với việc nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân trong thực tiễn, bởi hiệu quả thực thi chính là minh chứng thuyết phục nhất cho năng lực lãnh đạo, cầm quyền và tính đúng đắn của đường lối phát triển đất nước.

5. Kết luận

Đại hội XIV của Đảng đã đánh dấu bước phát triển quan trọng trong nhận thức lí luận về nâng cao năng lực thực thi, khi đặt vấn đề này trong mối quan hệ trực tiếp với năng lực cầm quyền và hiệu quả quản trị quốc gia. Trên cơ sở kế thừa và phát triển những nguyên lí của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời tổng kết sâu sắc thực tiễn gần 40 năm đổi mới, Đảng ta đã từng bước hoàn thiện nhận thức về vai trò của thực thi như một tiêu chí phản ánh trực tiếp năng lực lãnh đạo trong điều kiện mới.

Từ góc độ khoa học, nâng cao năng lực thực thi là yêu cầu tất yếu nhằm bảo đảm sự thống nhất giữa lí luận và thực tiễn, giữa hoạch định và hành động. Từ góc độ chính trị, tư tưởng, đây không chỉ là vấn đề quản trị mà còn là phương thức trực tiếp, hiệu quả để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Thực tiễn đã và đang khẳng định rằng, khi các chủ trương, chính sách được tổ chức thực hiện hiệu quả, mang lại những chuyển biến rõ nét trong đời sống kinh tế – xã hội thì chính

những kết quả đó trở thành minh chứng thuyết phục nhất cho tính đúng đắn của nền tảng tư tưởng, đồng thời là cơ sở vững chắc để củng cố niềm tin của nhân dân. Trong bối cảnh các thế lực thù địch không ngừng gia tăng chống phá, đặc biệt là thông qua việc khai thác những hạn chế trong việc tổ chức thực hiện để xuyên tạc, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, yêu cầu nâng cao năng lực thực thi càng trở nên cấp thiết. Không chỉ dừng lại ở việc khắc phục những điểm nghẽn trong thực tiễn, nâng cao năng lực thực thi còn là quá trình chủ động vô hiệu hóa từ gốc những điều kiện mà các luận điệu sai trái lợi dụng, đồng thời tạo ra cơ sở thực tiễn khách quan để phản bác một cách thuyết phục.

Có thể khẳng định rằng, trong kỉ nguyên vươn mình của dân tộc, khi yêu cầu phát triển nhanh và bền vững đặt ra ngày càng cao, nâng cao năng lực thực thi không chỉ là điều kiện bảo đảm hiệu lực, hiệu quả của hệ thống chính trị mà còn là một nội dung trọng yếu trong chiến lược bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Bảo vệ nền tảng tư tưởng không chỉ bằng lí luận mà trước hết và trên hết phải bằng chính hiệu quả của thực tiễn, và nâng cao năng lực thực thi chính là con đường trực tiếp nhất để biến sức mạnh của lí luận thành sức mạnh của hiện thực.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Báo điện tử Chính phủ. (2026a). *Thủ tướng: Lần đầu tiên trong lịch sử các kỳ đại hội, Đại hội XIV của Đảng ban hành chương trình hành động*. Truy cập ngày 30/3/2026, từ <https://xaydungchinhsach.chinhphu.vn/thu-tuong-lan-dau-tien-trong-lich-su-cac-ky-dai-hoi-dai-hoi-xiv-cua-dang-ban-hanh-chuong-trinh-hanh-dong-119260207115323827.htm>.
- Báo điện tử Chính phủ. (2026b). *Toàn văn phát biểu của Thủ tướng Phạm Minh Chính về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng*. Truy cập ngày 30/3/2026, từ <https://xaydungchinhsach.chinhphu.vn/toan-van-phat-bieu-cua-thu-tuong-pham-minh-chinh-ve-chuong-trinh-hanh-dong-thuc-hien-nghi-quyet-dai-hoi-xiv-cua-dang-119260207134336825.htm>.

- C. Mác & Ph.Ăngghen. (1995). *Toàn tập* (tập 3). Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.
- Nguyễn Sĩ Dũng. (2026). Từ nghị quyết đến kết quả- năng lực thực thi trong kỷ nguyên phát triển mới. *Tạp chí Cộng sản*. Truy cập ngày 21/5/2026, từ <https://hssk.tapchicongsan.org.vn/tu-nghi-quyet-den-ket-qua-nang-luc-thuc-thi-trong-ky-nguyen-phat-trien-moi-6898.html>.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII* (tập 1), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2026a). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV* (tập 1), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. ((2026b). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV* (tập 2), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.
- Đỗ Phú Hải. (2012). *Những vấn đề cơ bản của phân tích chính sách công*. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.
- Đới Diệu Trang Linh. (2026). Nghe dân nói – nói dân hiểu – làm dân tin: Cơ chế hình thành và củng cố niềm tin chính trị của nhân dân. *Tạp chí Lý luận chính trị điện tử*. Truy cập ngày 21/5/2026, từ <https://lyluanchinhtri.vn/nghe-dan-noi-noi-dan-hieu-lam-dan-tin-co-che-hinh-thanh-va-cung-co-niem-tin-chinh-tri-cua-nhan-dan-13616.html>.
- Hồ Chí Minh. (2011). *Toàn tập* (tập 5). Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.
- Nguyễn Hữu Hải. (2014). *Chính sách công: Những vấn đề cơ bản*. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.
- Nguyễn Thanh Giang. (2024). Nâng cao năng lực tổ chức thực thi chính sách công cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Lai Châu hiện nay. *Tạp chí Quản lý nhà nước*. Truy cập ngày 21/5/2026, từ <https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/10/29/nang-cao-nang-luc-to-chuc-thuc-thi-chinh-sach-cong-cho-doi-ngu-can-bo-lanh-dao-uy-ban-nhan-dan-cap-xa-tinh-lai-chau-hien-nay/>.
- Phùng Thị Linh Khanh. (2023). Năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức trong việc xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, thực tài ở Việt Nam. *Tạp chí Quản lý nhà nước*. Truy cập ngày 21/5/2026, từ <https://www.quanlynhanuoc.vn/2023/11/28/nang-luc-cua-doi-ngu-can-bo-cong-chuc-trong-viec-xay-dung-nen-cong-vu-chuyen-nghiep-trach-nhiem-thuc-tai-o-viet-nam/>.
- Lê Chi Mai. (2011). *Những vấn đề cơ bản về chính sách và quy trình chính sách*. Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- Mazmanian, D. A., & Sabatier, P. A. (1983). *Implementation and Public Policy*. Scott, Foresman.
- Pressman, J. L., & Wildavsky, A. (1984). *Implementation*. University of California Press.
- Tổng cục Thống kê. (2026). *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2025*, Truy cập ngày 30/3/2026, từ <https://www.nso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2026/01/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2025/>.
- Trần Quang Hiển. (2025). Quan điểm và định hướng hoàn thiện hệ thống pháp luật đáp ứng yêu cầu đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, hiệu lực, hiệu quả. *Trang thông tin điện tử Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Khánh Hòa*.

Truy cập ngày 21/5/2026, từ <https://btgdtukhanhhoa.vn/ly-luan-chinh-tri/quan-diem-va-dinh-huong-hoan-thien-he-thong-phap-luat-dap-ung-yeu-cau-doi-moi-qua>.

UNDP. (2024), *PAPI 2024: Chỉ số Hiệu quả Quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam*.

V.I.Lênin. (2005). *Toàn tập* (tập 6). Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

**ENHANCING IMPLEMENTATION CAPACITY UNDER THE 14TH
NATIONAL CONGRESS OF THE COMMUNIST PARTY OF VIETNAM:
SCIENTIFIC FOUNDATIONS FOR SAFEGUARDING THE PARTY'S
IDEOLOGICAL FOUNDATION IN THE NEW CONTEXT**

Pham Thi Toan

Academy of Politics Region II

Email: phamtoanhuha@gmail.com

(Received: 9/4/2026, Revised: 21/5/2026, Accepted for publication: 10/9/2026)

ABSTRACT

Enhancing implementation capacity has become a pivotal requirement in renewing the Party's leadership and governance methods, as well as improving the effectiveness and efficiency of the political system in Vietnam. Approaching implementation capacity as the ability to transform the Party's guidelines and State policies into practical outcomes through institutions, organizations, human resources, and implementation mechanisms, this article analyzes the scientific foundations of this issue in light of the 14th National Congress of the Communist Party of Viet Nam. The Congress not only set strategic development visions toward 2030 and 2045, but also emphasized implementation-oriented governance with clear responsibilities, resources, timelines, and performance-based evaluation associated with public and business satisfaction. On that basis, the article argues that enhancing implementation capacity is not merely a governance requirement but also a direct means of safeguarding the Party's ideological foundation by strengthening social trust, narrowing the gap between resolutions and practical life, and providing practical evidence to refute hostile and distorted allegations. The article further proposes several orientations for improving implementation capacity in association with protecting the Party's ideological foundation in the new development period.

Keywords: *Safeguarding the Party's ideological foundation; 14th National Congress; implementation capacity*